

Bản án số: 222/2018/HNGĐ-ST

Ngày 03 - 10 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đám Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 344/2018/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Dung C, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp HD, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hùng A, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp HD, xã NH, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trương Dung C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hùng A tổ chức đám cưới năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân gần 05 năm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Hùng A.

- Về nuôi con chung: Chị và anh Hùng A có 02 con chung tên Nguyễn Bình H, sinh ngày 27/10/2002 và Nguyễn Khánh L, sinh ngày 18/8/2004, hiện cháu H đang

sống chung với chị, còn cháu L đang sống chung với anh Hùng A. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Dung C vẫn giữ nguyên quan điểm, không có yêu cầu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Trương Dung C, bị đơn anh Nguyễn Hùng A là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Hùng A, nhưng anh Hùng A không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của chị Dung C. Tại phiên tòa, anh Hùng A vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Hùng A.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2000, chị Dung C và anh Hùng A chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Dung C và anh Hùng A không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, chị Dung C và anh Hùng A không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] Xét yêu cầu về nuôi con chung: Chị Dung C xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh Hùng A không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét về chia tài sản, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị Dung C xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng anh Hùng A không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Dung C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trương Dung C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trương Dung C với anh Nguyễn Hùng A là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Dung C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0010143 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Trương Dung C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh